

CHƯƠNG THỨ BỐN

**PHÂN KHOA
GIÁO DỤC**

PHÂN KHOA GIÁO DỤC

MỤC LỤC

- MỤC I.* Mục tiêu thành lập của Phân Khoa Giáo Dục
- MỤC II.* Điều kiện nhập học
- MỤC III.* Học chế và học quy
- MỤC IV.* Chương trình học

NHÂN VIÊN ĐIỀU HÀNH

- Khoa Trưởng : Đ.Đ Thích Nguyên Hồng
- Phụ Tá Khoa Trưởng : G.S Bùi Đăng Hòa
- Văn Phòng Trưởng : Ô. Nguyễn Hữu Lợi
- ★ Địa Chỉ : 222, Trương Minh Giảng — Saigon 3
- Điện Thoại : — Văn Phòng : 25.916/29 — 91.876/29
- Khoa Trưởng : 40.892

MỤC MỘT

MỤC TIÊU THÀNH LẬP CỦA PHÂN KHOA GIÁO DỤC

Theo đà phát triển của Viện Đại Học Vạn Hạnh trong sứ mệnh xây dựng nền giáo dục và văn hóa dân tộc, Phân Khoa Giáo Dục đã được thành lập do Nghị định số 1680 GD/KHPC/HV/ND ngày 9-9-71, điều chỉnh bởi Nghị định số 1943/GD/KHPC/HV/ND ngày 22-6-72 của Bộ Giáo Dục. Phân Khoa Giáo Dục ra đời không nhằm chọn một chỗ đứng mà chính là để tìm kiếm một con đường đi, con đường tiến lên cho tương lai Giáo dục. Vì lẽ đó, hoạt động của Phân Khoa Giáo Dục sẽ mãi mãi hướng về các nhiệm vụ nghiên cứu, phát huy, hoạch định và áp dụng đường hướng giáo dục trong đó gồm có vấn đề nghiên cứu và phát huy tư tưởng và nguyên lý giáo dục Phật giáo như Giới học, Định học, Tuệ học v.v. . . , áp dụng và thực nghiệm phương pháp tu Thiền cùng các pháp môn tu hành trong Phật giáo vào việc cải thiện đời sống cá nhân và xã hội.

Trong ý hướng xây dựng đó, Viện Đại Học Vạn Hạnh mạnh dạn nêu lên chủ trương rằng : Phân Khoa Giáo Dục

Viện Đại Học Vạn Hạnh nhằm đào tạo sinh viên thành những nhà giáo dục, chuyên viên giáo dục, giáo chức, cán bộ văn hóa để đáp ứng nhu cầu phát triển nền giáo dục quốc gia và văn hóa dân tộc.

Tuy nhiên trên con đường hoạt động đề tiến đến mục tiêu lý tưởng, Phân Khoa Giáo Dục không phải không thấy những khó khăn trở ngại trước mắt. Đó là những khó khăn về phương diện xã hội, kinh tế và nhiều phương diện khác nữa.

Vì vậy Phân Khoa Giáo Dục luôn nhận định rõ những khó khăn trước mắt và mục đích lý tưởng tương lai, nên ngay từ đầu Phân Khoa Giáo Dục cố gắng uyển chuyển tiến đi từng bước dè dặt để thực hiện phận sự làm thỏa mãn hai nhu cầu : đó là nhu cầu học vấn và nhu cầu chức nghiệp.

Để đáp ứng nhu cầu học vấn, và đây cũng là mục tiêu dài lâu của bước tiến xây dựng, khóa trình học tập của Phân Khoa phát triển hai phần kiến thức là Phần Tổng quát và Phần Chuyên nghiệp.

Để đáp ứng nhu cầu chức nghiệp, khóa trình giáo dục đi hẳn vào từng ngành chuyên môn và thực tập huấn luyện kỹ càng các khả năng chuyên môn. Chính phần này có thể giúp giải quyết những khó khăn hiện tại.

Như vậy, trong hành trang kiến thức của người sinh viên Phân Khoa Giáo Dục Viện Đại Học Vạn Hạnh sau

4 năm học tập sẽ không thiếu những điều kiện cho phép họ tiếp tục lên đường theo đuổi cấp học cao hơn ở bậc Cao học, Tiến sĩ... hoặc họ cũng đầy đủ kiến thức và kinh nghiệm nhà nghề để trở thành những chuyên viên điều hành và giảng huấn bậc Trung học nếu họ muốn.

Những điều trên đây, đại để có thể tóm tắt chủ trương thành lập và mục tiêu mà Phân Khoa Giáo Dục Viện Đại Học Vạn Hạnh ước mong thực hiện.

MỤC HAI

ĐIỀU KIỆN NHẬP HỌC

ĐIỀU 1 : Mỗi năm một lần vào đầu niên học có một kỳ thi tuyển sinh viên năm thứ nhất cho các ngành thuộc Phân Khoa Giáo Dục.

ĐIỀU 2 : Ứng viên hội đủ các điều kiện sau đây có quyền nộp đơn thi nhập học :

- a) Có bằng Tú Tài II hoặc văn bằng tương đương.
- b) Đủ điều kiện cần thiết về thể vóc và tinh thần của một nhà giáo dục và mô phạm tương lai.

ĐIỀU 3 : Mọi ứng viên đều phải qua một kỳ thi nhập học căn cứ vào chương trình hiện hành lớp 11 và 12 bậc Trung học.

ĐIỀU 4 : Sau khi trúng tuyển kỳ thi viết, thí sinh bắt buộc phải qua một cuộc khảo vấn do Hội Đồng Giám Khảo định.

ĐIỀU 5 : Thẻ thức thi nhập học được ấn định và niêm yết tại Văn phòng trước ngày ghi danh.

ĐIỀU 6 : Hồ sơ thi gồm có :

- a) Đơn xin dự thi nhập học (mẫu phát tại Văn phòng).
- b) Bản sao văn bằng Tú Tài II hoặc văn bằng tương đương (xuất trình bản chánh để xác nhận).
- c) Bản sao trích lục khai sinh.
- d) Học bạ Trung học (trình sau khi trúng tuyển kỳ thi viết).
- e) Tờ biên nhận đóng tiền lệ phí thi nhập học.

ĐIỀU 7 : Sau khi chánh thức trúng tuyển, thí sinh phải lập đủ mọi thủ tục về hồ sơ nhập học trong một thời hạn do Văn phòng ấn định.

ĐIỀU 8 : Thí sinh nào trễ hạn hồ sơ nhập học mà không được sự chấp thuận của Văn phòng sẽ được xem như tự ý bỏ học.

ĐIỀU 9 : Thí sinh nào dùng hồ sơ giả mạo, sau khi Văn phòng thẩm tra phát giác, sẽ bị loại bỏ và có thể bị truy tố.

ĐIỀU 10 : Trong một thời gian hạn định sau ngày công bố kết quả, một số thí sinh dự khuyết sẽ được thu nhận nếu trong thời gian ấy có thí sinh bị loại vì vi phạm một trong hai điều 8 và 9.

MỤC BA

HỌC CHẾ VÀ HỌC QUY

A.— HỌC CHẾ

ĐIỀU 1 : Bắt đầu từ niên khóa 1973-74, Phân Khoa Giáo Dục áp dụng Học Chế mới được ấn định chung cho các phân khoa thuộc Viện Đại Học Vạn Hạnh (trang 26, phần Tổng Quát, Chỉ Nam 1973-74).

ĐIỀU 2 : Đề được tốt nghiệp cử nhân Giáo Dục, số học phần được ấn định cho mỗi ban với hạng Thứ như sau :

Ban Anh Văn	173 học phần
Ban Sử Địa	168 học phần
Ban Toán	152 học phần
Ban Việt Hán	164 học phần

Trong các học phần kể trên có 6 học phần liên khoa và 24 học phần sinh ngữ.

B.— HỌC QUY

Ngoài các điều ghi trong Học Quy của Viện Đại Học Vạn Hạnh, Học Quy của Phân Khoa Giáo Dục còn gồm thêm các phần sau đây :

A.— ỦY THÁC

ĐIỀU 1 : Được nhận là sinh viên ủy thác các tu sĩ, giáo chức Bồ Đề, sinh viên do Giáo Hội giới thiệu đã hội đủ điều kiện trong khoản IV. 4 a, b ấn định bởi cuộc họp Hội Đồng Khoa ngày 28-5-71.

ĐIỀU 2 : Ngoài tinh thần đã ấn định trong khoản IV. 4 a, b, sinh viên ủy thác được đồng hóa như tất cả sinh viên của Phân Khoa Giáo Dục Viện Đại Học Vạn Hạnh về bổng phận và những quyền lợi không trái với khoản IV. 4 a, b nói trên.

ĐIỀU 3 : Tư cách của một sinh viên ủy thác sẽ bị bãi bỏ nếu vi phạm về bổng phận ghi trong phần Bổng Phận Điều 3 b, c.

ĐIỀU 4 : Sinh viên ủy thác và Giáo Hội đã giới thiệu phải liên đới trách nhiệm về việc bồi hoàn số tiền đã hưởng như học phí, học bổng và các khoản lệ phí khác nếu có, nếu sinh viên ủy thác tự ý bỏ học hoặc không thực hiện đúng cam kết sau khi tốt nghiệp.

B.— BỔN PHẬN

ĐIỀU 1 : Sinh viên Phân Khoa Giáo Dục phải tuân theo các bổng phận qui định chung cho sinh viên

Vạn Hạnh (trang 43, « Quyền Lợi và Bồn Phận người sinh viên », phần Tổng Quát, Chi Nam 1973-74).

ĐIỀU 2 : Đối với những sinh viên vi phạm kỷ luật. Hội Đồng Kỷ Luật Khoa sẽ áp dụng các hình thức trách phạt.

ĐIỀU 3 : Tùy theo trường hợp vi phạm, các hình thức trách phạt có thể:

- a) Khiển trách (trước toàn lớp, toàn phân khoa hay toàn viện).
- b) Bắt buộc tạm nghỉ học một thời gian.
- c) Bắt buộc tạm nghỉ học vĩnh viễn có thông báo hay không thông báo cho các Đại học bạn, công cũng như tư. Trong trường hợp này sinh viên sẽ vĩnh viễn không được thâu nhận trở lại dưới bất cứ hình thức nào.

C.— QUYỀN LỢI

ĐIỀU 1 : Sinh viên Phân Khoa Giáo Dục được sử dụng các tiện nghi dành cho sinh hoạt sinh viên và được hưởng tất cả các quyền lợi của người sinh viên Vạn Hạnh, ấn định ở phần Tổng Quát, Chi Nam 1973 — 74.

ĐIỀU 2 : Sinh viên Phân Khoa Giáo Dục ưu tú có khả năng sinh ngữ có thể sẽ được chọn đi tham

dự các tổ chức sinh hoạt văn hóa, hội thảo giáo dục trong các chương trình trao đổi và tìm hiểu sinh hoạt sinh viên quốc tế.

ĐIỀU 3 : Sinh viên Phân Khoa Giáo Dục sau khi tốt nghiệp, nếu có đơn xin, có thể được:

- Tuyển dụng làm giáo sư Trung học đệ nhị cấp tại các trường công hay tư lập.
- Tuyển dụng làm việc tại Viện.
- Cấp học bổng xuất ngoại du học hay tu nghiệp để trở thành nhân viên tương lai của Viện Đại Học Vạn Hạnh.
- Ghi danh thi tuyển vào Bậc Cao Học Giáo Dục khi điều kiện phát triển của Phân Khoa cho phép.

ĐIỀU 4 : Những điều không được dự liệu trong Chi Nam sẽ được quyết định bởi cuộc họp Hội Đồng Khoa do Khoa Trưởng triệu tập.

MỤC BỐN

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

Chương trình học của Phân Khoa Giáo Dục Đại Học Vạn Hạnh được phân phối như sau :

- A. Phần giáo dục tổng quát
- B. Phần giáo dục chuyên nghiệp
- C. Phần giáo dục chuyên môn
- D. Phần thực tập.

- a) *Phần giáo dục tổng quát* : Nhằm phát triển kiến thức tổng quát về các phương diện như : nhân văn, xã hội, khoa học, sinh ngữ và giáo dục y tế.
- b) *Phần giáo dục chuyên nghiệp* : Nhằm đào tạo kiến thức về giáo dục như : nguyên lý giáo dục, lịch sử giáo dục, phương pháp giáo dục, hành chánh và quản trị.
- c) *Phần giáo dục chuyên môn* : Nhằm đào luyện khả năng chuyên môn của mỗi ngành như Việt Hán, Sinh ngữ, Toán, Sử Địa, Khoa học, bằng cách đi thật sâu vào chương trình căn

bản bậc Trung học và phát triển lên cấp cao như chương trình Cử nhân của các Đại học tương đương.

- d) *Phần thực tập* : Nhằm huấn luyện khả năng sư phạm cũng như thực tập nghiên cứu cho mỗi ngành chuyên môn.

★

A.— PHẦN GIÁO DỤC TỔNG QUÁT

(Năm I, II và III)

- Đông Phương học
- Tinh thần và phương pháp khoa học
- Phật giáo con người và xã hội
- Đại cương về nhân chủng học và xã hội học
- Văn hóa và xã hội Việt
- Mỹ thuật học
- Thư viện học
- Thống kê nhập môn
- Giáo dục y tế
- Kỹ thuật hành văn
- Sinh ngữ.

NĂM THỨ NHẤT

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.136				2	30	2
G.137	2	30	2			
G.138A	2	30	2			
G.138B				2	30	2
G.139	2	30	2			
G.131				1	15	1
G.101A	4	60	3			
G.101B				4	60	3
CỘNG	10	150	9	9	135	8

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC :

G.136 *Đại cương về nhân chủng học và xã hội học :*

- Sơ lược về vị trí con người trong tự nhiên giới. Khởi nguyên và sự tiến hóa của loài người. Sơ lược về nhân chủng và văn hóa. Sự giao lưu văn hóa.
- Xã hội học nhập môn. Sơ lược về phương pháp điều tra xã hội. Sự liên quan giữa cá nhân, tập đoàn và xã hội.

G.137 *Tinh thần và phương pháp khoa học :*

- Quyết định luận và sự khủng hoảng của quyết định luận. Công lý học và các thuyết về giá trị.
- Khái niệm về kỹ thuật và phương pháp trong khoa học thường thức và trong xã hội. Vấn đề qui nạp và xác xuất liên hệ với phương pháp khoa học.

G.138A *Kỹ thuật hành văn A :*

- Định nghĩa và đặc tính của bút pháp
- Các mỹ từ pháp dùng trong văn chương

G.138B *Kỹ thuật hành văn B :*

- Đặc tính của bút pháp dùng trong các loại văn.

G.139 *Đông phương học :*

Khái luận về Khổng giáo. Tính chất của giáo dục Khổng giáo và Chư tử. So sánh sơ lược về Chư Tử học và Dương Minh học. Sơ lược về tính chất văn triết trong các tác phẩm tiêu biểu của Lão Trang. Giới thiệu khái lược. Tư tưởng Phật học.

G.131 *Tinh thần và phương pháp đại học :*

(môn liên khoa, xem nội dung trang 171, Chỉ Nam 1973-74).

G.101A *Anh văn căn bản cấp I.*

G.101B *Anh văn căn bản cấp II.*

NĂM THỨ HAI

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.232	2	30	2			
G.233				3	45	3
G.236				2	30	2
G.237	2	30	2			
G.201C	4	60	3			
G.201D				4	60	3
CỘNG	8	120	7	9	135	8

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- G.232 *Phật giáo con người và xã hội :*
(môn liên khoa, xem nội dung trang 179, Chỉ Nam 1973-74).
- G.233 *Văn hóa và xã hội Việt :*
(môn liên khoa, xem nội dung trang 180, Chỉ Nam 1973-74).
- G.236 *Mỹ thuật học :*
Khái niệm về mỹ thuật học — Sơ lược về mỹ thuật sử Việt Nam — giới thiệu một vài tác phẩm mỹ thuật, giải thích sự quan hệ giữa tác phẩm và bối cảnh xã hội.

Dạo qua một vài lãnh vực như : nghệ thuật ngôn ngữ : cơ sở của sự cấu tạo ngôn ngữ, sự diễn tả ; nghệ thuật âm nhạc vũ dụng : âm thanh, tiết điệu, những đường nét trong nhân thể trong việc mô tả nghệ thuật. Sự quan hệ giữa tôn giáo và mỹ thuật.

G.237 *Thư viện học :*

Khái niệm về thư viện học — Quy tắc thành lập thư mục — Phương pháp phân loại,

— Thư viện học đường : tổ chức và hoạt động.

G.201C *Anh văn căn bản cấp III*

G.201D *Anh văn căn bản cấp IV*

☆

NĂM THỨ BA

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.336	2	30	2			
G.337				2	30	2
G.301E	2	30	2			
G.301F				2	30	2
CỘNG	4	60	4	4	60	4

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- G.336 *Thống kê học* :
Thống kê học nhập môn (sơ lược).
— Lý luận và phương pháp về thống kê xã hội.
- G.337 *Giáo dục y tế* :
— Vấn đề sức khỏe : Vệ sinh cá nhân, vệ sinh hoàn cảnh, vệ sinh cộng đồng.
— Vận động y học : Cơ năng và cấu tạo của nhân thể, ứng dụng các vận động thể dục vào việc tăng sức khỏe và phát triển cơ năng thân thể.
— Thể dục thực hành : (khi đủ điều kiện sẽ áp dụng chương trình thực hành).
- G.301E *Anh văn căn bản cấp V*
G.301F *Anh văn căn bản cấp VI*

NĂM THỨ TƯ (không có)

B. — PHẦN GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

(Năm I, II, III và IV)

Căn bản giáo dục :

- Giáo dục nhập môn

- Triết lý và lịch sử giáo dục
- Triết lý giáo dục Phật giáo
- Tâm sinh lý
- Xã hội giáo dục
- Lịch sử giáo dục Việt Nam
- Nguyên tắc giáo dục bậc Trung học.

Phát triển chương trình (Curriculum) :

- Phương pháp soạn thảo chương trình
- Nguyên tắc
- Giáo dục cộng đồng.

Tâm lý giáo dục :

- Tâm lý ứng dụng vào giáo dục
- Tâm lý về giảng dạy và học tập
- Hướng dẫn và khai đạo
- Tâm lý thanh thiếu niên
- Tâm lý ứng dụng vào việc đo lường trí tuệ học trò (Thống kê, trắc nghiệm).

Quản trị và thanh tra học đường :

- Nguyên tắc quản trị và thanh tra học đường
- Tổ chức học chánh Việt Nam.

Giáo dục đối chiếu :

Chọn một số quốc gia tiên tiến :

— Pháp, Mỹ, Nga, Nhật

Các quốc gia hậu tiến :

— Các nước Á, Phi và Châu Mỹ La tinh.

Các vấn đề giáo dục :

— Chương trình hiện đại—Đường hướng hiện đại.

— Các vấn đề giáo dục Việt Nam

— Vấn đề giáo dục tư thực tại Việt Nam (đặc biệt Bồ Đề).

Sư phạm :

— Nguyên tắc và Phương pháp giảng dạy tổng quát ở Trung học.

— « soạn bài và chấm bài

— « thính thị.

★

NĂM THỨ NHẤT

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.143	2	30	2			
G.144				2	30	2
G.145A	2	30	2			
G.145B				2	30	2
CỘNG	4	60	4	4	60	4

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

G.143 *Giáo dục nhập môn :*

Giáo dục học khái luận. Quan niệm khái quát về các vấn đề giáo dục.

G.144 *Lịch sử giáo dục Việt Nam :*

— Thời kỳ giáo dục Hán học : tổ chức, nội dung thi cử và tuyển chọn quan chức.

— Thời kỳ giáo dục quốc ngữ : mục đích, tổ chức học chế, nội dung, phương pháp, những cải tổ.

G.145A *Tâm lý thanh thiếu niên A :*

— Thanh thiếu niên trong các thời kỳ chuyển tiếp

— Sự phát triển của thanh thiếu niên về các phương diện : thể chất, trí tuệ, cảm xúc, nhu cầu.

G.145B *Tâm lý thanh thiếu niên B :*

— Các vấn đề của thanh thiếu niên đối với : gia đình, bạn bè, học đường, xã hội. Vấn đề thanh thiếu niên phạm pháp. Kỹ thuật tìm hiểu thanh thiếu niên.

— Sự chu toàn bản ngã. Sự phát triển nhân cách. Ý hướng đạo đức và tôn giáo.

NĂM THỨ HAI

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.243A	2	30	2			
G.243B				2	30	2
G.244	2	30	2			
G.245A	2	30	2			
G.245B				2	30	2
G.246				2	30	2
G.247				2	30	2
CỘNG	6	90	6	8	120	8

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- G.243A *Các tư tưởng giáo dục A :*
— Giới thiệu các tư tưởng giáo dục thời cổ, cận đại và hiện đại.
- G.243B *Các tư tưởng giáo dục B :*
— Giới thiệu các tư tưởng giáo dục thời cổ, cận đại và hiện đại.
- G.244 *Giáo dục xã hội :*
Khái luận về Giáo dục Xã hội.
- G.245A *Tâm lý giáo dục A :*
— Sự quan trọng của Tâm lý đối với giáo dục.
— Sự phát triển của môn Tâm lý giáo dục.

- Những phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý giáo dục.
- G.245B *Tâm lý giáo dục B :*
— Động lực thúc đẩy sự học.
— Bản chất và tiến trình học tập.
— Những lý thuyết về sự học.
— Vai trò nhà giáo.
- G.246 *Giáo dục cộng đồng :*
— Quan niệm về giáo dục cộng đồng — Ý nghĩa và đối tượng — Học đường và cộng đồng.
Cách tổ chức.
- G.247 *Nguyên tắc và phương pháp giảng dạy tổng quát ở bậc Trung học*

★

NĂM THỨ BA

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.343				2	30	2
G.344A	2	30	2			
G.344B				2	30	2
G.345A	2	30	2			
G.345B				2	30	2
G.346	2	30	2			
G.347				2	30	2
CỘNG	6	90	6	8	120	8

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- G.343** *Triết lý giáo dục Phật giáo :*
- Phương pháp căn bản (Lý thuyết và thực hành) (1)
- G.344A** *Giáo dục đối chiếu A :*
- Khái luận về giáo dục đối chiếu — Tính cách và phương pháp nghiên cứu
- G.344B** *Giáo dục đối chiếu B :*
- So sánh và phân tích các chế độ giáo dục hiện tại.
- G.345A** *Hướng dẫn và khai đạo A :*
- Khái luận về giáo dục hướng
- G.345B** *Hướng dẫn và khai đạo B :*
- Các vấn đề hướng dẫn và khai đạo.
- G.346** *Trắc nghiệm đo lường :*
- Trí năng kiểm tra tâm lý học — Phương pháp kiểm tra tâm lý học
 - Lý luận và thực hành.
- G.347** *Giáo dục thính thị và truyền thông :*
- Phương pháp và thực tập

NĂM THỨ TƯ

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.443	2	30	2			
G.444	2	30	2			
G.445				2	30	2
G.446A	2	30	2			
G.446B				2	30	2
G.447	2	30	2			
G.448				2	30	2
CỘNG	8	120	6	6	90	6

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- G.443** *Triết lý giáo dục Phật giáo :*
- Phương pháp căn bản (Lý thuyết và thực hành) (2)
- G.444** *Nguyên tắc soạn thảo chương trình :*
- Ý nghĩa và quan niệm về Khóa trình giáo dục.
 - Nguyên tắc căn bản về sự nghiên cứu và phát triển Khóa trình giáo dục.
- G.445** *Phương pháp soạn thảo chương trình :*
- Phương pháp xây dựng Khóa trình giáo dục.

- G.446A *Giáo dục quản trị A :*
Nguyên tắc và phương pháp quản trị và thanh tra học đường.
- G.446B *Giáo dục quản trị B :*
Tổ chức học chánh Việt Nam : Hệ thống tổ chức và hành chánh quản trị từ trung ương tới địa phương.
- G.447 *Nguyên tắc giáo dục bậc Trung học :*
Đại cương các nguyên tắc về tổ chức và phát triển giáo dục bậc Trung học. Ứng dụng.
- G.448 *Các vấn đề giáo dục Việt Nam :*
Vấn đề học chế, vấn đề thi cử, vấn đề giáo chức, vấn đề tư thực, vấn đề Đại học.

★

C.— PHẦN GIÁO DỤC CHUYÊN MÔN

(Năm I, II, III và IV)

Gồm các ban :

— Anh Văn — Sử Địa — Toán — Việt Hán.

BAN SINH NGŨ (Anh)

NĂM THỨ NHẤT

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.151A	3	45	3			
G.151B				3	45	3
G.152A	3	45	3			
G.152B				3	45	3
G.153A	2	30	1			
G.153B				2	30	1
G.154A	2	30	1			
G.154B				2	30	1
CỘNG	10	150	8	10	150	8

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC.

- G.151A *Văn phạm và tác văn A :*
Thi tuyển. Ôn lại các phần văn phạm ở Trung học, chú trọng đến thực hành. Tập viết những câu căn bản, câu đơn, câu kép, câu phức tạp. Cách dùng các liên từ.
- G.151B *Văn phạm và tác văn B :*
Bắt buộc G.151 A. Bổ túc các phần văn phạm

đã học ở G.151 A, chú trọng các mẫu thức ngữ pháp của tiếng Anh, Cách tìm ý, lập dàn bài, cách viết một đoạn văn có mạch lạc, khai triển câu chủ đề thành một đoạn, kết cấu và bố cục của bài tác văn.

G.152A Giảng văn A :

Thi tuyển. Trích giảng các đề tài tổng quát. Luyện sinh viên đọc hiểu trực tiếp và nhanh chóng. Tìm đại ý, gạn lọc một vài chi tiết đặc biệt, tìm hiểu toàn thể đoạn văn.

G.152B Giảng văn B :

Bắt buộc G.152 A. Trích giảng các đoạn văn tổng quát như G.152 A nhưng khó hơn. Cách làm giàu số lượng ngữ vựng của sinh viên.

G.153A Tập dịch A :

Thi tuyển. Dịch Anh Việt, lưu ý sự tương đồng và dị biệt giữa cơ cấu tiếng Anh và tiếng Việt.

G.153B Tập dịch B :

Bắt buộc G.153 A. Dịch Việt Anh, lưu ý sự tương đồng giữa cơ cấu tiếng Việt và tiếng Anh.

G.154A Đàm thoại và luyện đọc A :

Luyện sinh viên phát âm đúng, đàm thoại trôi chảy và tự nhiên.

G.154B Đàm thoại và luyện đọc B :

Bắt buộc G.154 A. Tiếp tục chương trình của G.154 A. Tập bản luận và trình bày ý tưởng của mình. Chú trọng mẫu mực cú pháp Anh thông dụng.

★

NĂM THỨ HAI

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.251C	2	30	2			
G.251D				2	30	2
G.252C	2	30	2			
G.252D				2	30	2
G.253A	2	30	2			
G.253B				2	30	2
G.254C	2	30	1			
G.254D				2	30	1
G.255	3	45	3			
G.256				3	45	3
G.257				2	30	1
CỘNG	11	165	10	13	195	11

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC.

- G.251C *Văn phạm và tác văn C :*
Bắt buộc G.151 B. Ôn lại các điểm văn phạm cần thiết cho phần tác văn. Cách viết nhập đề, thân bài và kết luận. Cách chuyển mạch, cách chấm câu và viết đúng chính tả.
- G.251D *Văn phạm và tác văn D :*
Bắt buộc G.251 C. Ôn lại điểm văn phạm cần thiết cho phần tác văn. Tiếp tục chương trình của G.251 C để tiến đến việc viết một bài tác văn có mạch lạc, sát đề tài và đúng cú pháp. Cách viết bài tóm lược.
- G.252C *Giảng văn C :*
Bắt buộc G.152 B. Tiếp tục chương trình giảng văn của G.152 B. Khuyến khích sinh viên đọc thêm như ở G.152 A.
- G.252D *Giảng văn D :*
Bắt buộc G.252C. Trích giảng những đoạn văn có tính cách văn hóa và văn chương thế giới. Khuyến khích sinh viên đọc thêm như ở G.252 C.
- G.253A *Ngữ học A :*
Bắt buộc. G.151 A — G.154 B. Ngữ học tổng

- quát. Sơ lược đối tượng và các ngành ngữ học, đặc tính của ngôn ngữ, phương pháp nghiên cứu, các khuynh hướng ngữ học và các ngôn ngữ thế giới.
- G.253B *Ngữ học B :*
Bắt buộc G.253 A. Ngữ âm học. Hệ thống ngữ âm tiếng Anh, cách phát âm, sự biến thiên của âm thanh, các âm vị của tiếng Anh : mẫu âm, tử âm, chủ âm, ngữ điệu, nhịp điệu, cung bậc, ngắt nối. Dấu phiên âm quốc tế (lưu ý khía cạnh thực dụng cho việc dạy tiếng Anh)
- G.254C *Đàm thoại và luyện đọc C :*
Bắt buộc G.154 B. Luyện đọc trôi chảy đúng âm điệu và ngữ điệu.
- G.254D *Đàm thoại và luyện đọc D :*
Bắt buộc G.254 C. Tập trình bày và thảo luận một đề tài do giáo sư chỉ định.
- G.255 *Văn minh Mỹ :*
Bắt buộc G.151 A — G.154B. Tổng quát về lịch sử địa lý Hoa kỳ, sinh hoạt xã hội, các định chế, các trào lưu tư tưởng, các biến chuyển lịch sử, các yếu tố về địa lý và văn minh có ảnh hưởng đến nền thi văn của Hoa kỳ.
- G.256 *Văn minh Anh :*
Bắt buộc G.255. Tổng quát về lịch sử và địa

lý Anh quốc, sinh hoạt xã hội, các định chế, các trào lưu tư tưởng, các biến chuyển lịch sử, các yếu tố địa lý và văn minh có ảnh hưởng đến văn học Anh.

- G.257 *Phương pháp giảng dạy Sinh ngữ :*
Bắt buộc G.151A — G.154B. Đại cương về các phương pháp dạy sinh ngữ, chú trọng phương pháp thính thoại và thực hành theo cấu trúc ngữ pháp. Cách soạn và trình bày một bài học. Cách tổ chức một giờ dạy. Cách điều khiển lớp học. Tài liệu và học cụ.

★

NĂM THỨ BA

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.351E	2	30	2			
G.351F				2	30	2
G.352A	2	30	2			
G.352B				2	30	2
G.353C	2	30	2			
G.353D				2	30	2
G.354E	2	30	1			
G.354F				2	30	1
G.355A	3	45	3			
G.355B				3	45	3
G.356				2	30	2
G.357A	2	30	1			
G.357B				2	30	1
CỘNG	13	195	11	15	225	13

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- G.351E *Văn phạm và tác văn E :*
Bắt buộc G.251D. Các cơ cấu ngữ pháp phức tạp của tiếng Anh. Kỹ thuật hành văn và các loại miêu tả.
- G.351F *Văn phạm và tác văn :*
Bắt buộc G.351E. Tiếp tục chương trình G.251D. Kỹ thuật hành văn tác văn về loại thuật sự và thư tín :
- G.352A *Bình giảng văn học A :*
Bắt buộc G.252D. Các đề tài về văn minh Mỹ và một vài nước nói tiếng Anh khác. Thẩm định giá trị về hình thức và nội dung.
- G.352B *Bình giảng về văn học B :*
Bắt buộc G.352A. Các đề tài về văn chương Mỹ và một vài nước nói tiếng Anh khác. Thẩm định giá trị về hình thức và nội dung, khuyến khích sinh viên đọc thêm.
- G.353C *Ngữ học C :*
Bắt buộc G.253B. Ngữ vị và ý nghĩa vị. Ngữ pháp Anh : ngữ pháp cấu trúc (lưu ý đến phương diện ứng dụng trong việc dạy Anh ngữ)

- G.353D** *Ngữ học D:*
Bắt buộc G.353C. Ngữ pháp Anh : ngữ pháp biến tạo (cũng lưu ý đến phương diện ứng dụng trong việc dạy Anh ngữ).
- G.354E** *Đàm thoại và luyện đọc E :*
Bắt buộc G.254D. Trình bày các đề tài rút trong tạp chí, nhật báo, chú trọng các tin tức về giáo dục. Cũng chú trọng đến cách phát âm, âm điệu nhịp điệu của câu nói, cách lập luận thảo luận.
- G.354F** *Đàm thoại và luyện đọc F :*
Bắt buộc 354E. Tiếp tục chương trình của G.354E.
- G.355A** *Văn chương Mỹ A :*
Bắt buộc G.256. Tổng quát văn học sử Mỹ từ đầu đến thế kỷ 19, nhấn mạnh các thời kỳ quan trọng và các tác giả chính. Trích văn điển hình.
- G.355B** *Văn chương Mỹ B :*
Bắt buộc G.355A. Tổng quát văn học sử Mỹ từ thế kỷ 19 đến ngày nay. Nhấn mạnh các thời kỳ quan trọng và các tác giả chính. Trích văn điển hình, có thể cho nghiên cứu một vài tác phẩm quan trọng.
- G.356** *Ngữ học áp dụng A :*
Bắt buộc G.257. Ứng dụng khoa ngữ học để dạy sinh ngữ. So sánh hệ thống ngữ âm, ngữ

vựng, ngữ pháp, văn hóa Anh với hệ thống ngữ âm, ngữ vựng, ngữ pháp, văn hóa Việt để tìm kiếm những phương thức dạy Anh ngữ cho người Việt.

- G.357A** *Thực tập A :*
Bắt buộc G.257. Hướng dẫn sinh viên dạy thực tập tại các trường Trung học đệ I cấp.
- G.357B** *Thực tập B :*
Dạy thực tập tại các trường Trung học Đệ I cấp

★

NĂM THỨ TƯ

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.451A	2	30	2	2	30	2
G.451B						
G.452C	2	30	2	2	30	2
G.452D						
G.453A	4	60	4	4	60	4
G.453B						
G.454A	2	30	1	2	30	1
G.454B						
G.455				2	30	2
G.455C	2	30	1			
G.455D				2	30	1
CỘNG	12	180	10	14	210	12

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- G.451A *Văn phạm và tác văn A :*
Bắt buộc G.351F. Văn pháp Anh. Thề văn trình bày. Cách viết một bài tác văn theo thề trình bày.
- G.451B *Văn phạm và tác văn B :*
Bắt buộc G.451A. Văn pháp Anh (tiếp theo). Thề văn nghị luận. Cách viết một bài tác văn theo thề nghị luận.
- G.452C *Bình giảng văn học C :*
Bắt buộc G.352B. Các đề tài về văn minh Anh và một vài nước nói tiếng Anh khác. Thề định giá trị của đoạn văn về hình thức và nội dung. Khuyến khích sinh viên đọc thêm.
- G.452D *Bình giảng văn học D :*
Bắt buộc G.452C. Các đề tài về văn chương Anh và các nước nói tiếng Anh khác. Thề định giá trị của đoạn văn về hình thức và nội dung. Khuyến khích sinh viên đọc thêm.
- G.453A *Văn chương Anh A :*
Bắt buộc G.255. Tổng quát văn học sử Anh Từ đầu đến 1832. Nhấn mạnh các thời kỳ quan trọng và các tác giả chính. Trích văn điển hình.

- G.453B *Văn chương Anh B :*
Bắt buộc G.453A. Tổng quát văn học sử Anh từ 1832 đến ngày nay. Nhấn mạnh các thời kỳ quan trọng và các tác giả chính. Trích văn điển hình. Có thể cho nghiên cứu vài tác phẩm quan trọng.
- G.454A *Thảo luận A :*
Bắt buộc G.351F, G.354F. Chọn đề tài để nghiên cứu, cách xử dụng tài liệu và thư viện cách ghi chép và sắp xếp các chi tiết liên quan đến đề tài của mình, cách viết thảo luận.
- G.454B *Thảo luận B :*
Bắt buộc G.454A. Trình bày kết quả nghiên cứu của mình về đề tài đã chọn, thảo luận với các sinh viên cùng lớp dưới sự hướng dẫn của Giáo sư. Hoàn thành tiểu luận.
- G.455 *Ngữ học ứng dụng :*
Bắt buộc G.356. Cách dạy một bài phát âm, một bài ngữ pháp, một bài ngữ vựng, một bài đọc, một bài viết. Trắc nghiệm và đo lường kết quả. Nghiên cứu các tài liệu về cách dạy sinh ngữ. Phòng thí nghiệm sinh ngữ.
- G.456C *Thực tập C :*
Bắt buộc G.357A và G.357B. Hướng dẫn sinh

viên đến dạy thực tập tại các trường Trung học đệ II cấp.

G.456D Thực tập D :

Dạy thực tập tại các trường Trung học đệ II cấp

★

BAN SỬ ĐỊA

NĂM THỨ NHẤT

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.155	2	30	2			
G.156	2	30	2			
G.157				2	30	2
G.158	2	30	2			
G.159				1	15	1
G.160				2	30	2
G.161				2	30	1
G.162	2	30	2			
G.163				2	30	2
CỘNG	8	120	8	9	135	8

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- G.155 Sử học đại cương.
- G.156 Văn minh sử đại cương.
- G.157 Lược sử các nền văn minh
- G.158 Địa lý đại cương và hình thể
- G.159 Địa lý nhân văn
- G.160 Thủy học — Hải học
- G.161 Thực tập bản đồ
- G.162 Công dân.

- Cá nhân gia đình : Bồi phần đối với bản thân (thân thể, tình cảm, trí tuệ, nhân cách, tự trọng), đời sống trong gia đình (tổ tiên, cha mẹ, anh chị em, thân thuộc và thích thuộc).
- Đời sống tại học đường : tổ chức học đường (thành phần và nhiệm vụ các nhân viên trong trường và ban giảng huấn, nội qui học đường, Hội đồng kỷ luật học đường, Hiệu đoàn và hội phụ huynh học sinh).
- Đời sống trong xã hội : Mối liên hệ giữa cá nhân và xã hội, giữa các thế hệ quá khứ, hiện tại và tương lai, chủng tộc, ngôn ngữ, tập quán và tục lệ.
- Đời sống tôn giáo : Những tôn giáo lớn trên thế giới, ảnh hưởng của tôn giáo trong đời sống xã hội.

G.163 Hán tự :

- Học chữ : nét chữ, mặt chữ các bộ chính và cách tra tự điển.
- Văn phạm : những nguyên tắc văn phạm sơ đẳng và thiết yếu trong Hán văn.
- Ngũ vụng : những chữ chuyên môn và hay dùng trong sử học.

★

NĂM THỨ HAI

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.258	2	30	2			
G.259				2	30	2
G.260				1	15	1
G.261	2	30	2			
G.262				1	15	1
G.263	2	30	2			
G.264				2	30	1
G.265				4	60	4
G.666	2	30	2			
CỘNG	8	120	8	10	150	9

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

G.258 Quốc sử :

- Lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến hết Minh thuộc.

G.259 Thế giới sử :

- Lịch sử Đông Nam Á từ khởi thủy đến nay, chú trọng về thời hiện đại.

G.260 Sử liệu Hán văn

G.261 Địa lý đại cương :

Khí hậu — Thổ nhưỡng học.

G.262 Địa lý đại cương :

Kinh tế.

G.263 Địa lý Việt Nam :

Hình thể — nhân văn — kinh tế.

G.264 Thực tập bản đồ

G.265 Công dân :

- Quốc gia : Các yếu tố cấu tạo thành quốc gia, hiến pháp và luật lệ, tổ chức công quyền.
- Công dân : nhân quyền và công nhân quyền (các quyền do căn bản của công dân)
- Vấn đề thiểu nhi phạm pháp.

G.266 Hán tự : Trích dẫn và bình giảng những đoạn văn Hán tự trong cuốn Đại Việt Sử ký toàn thư.

NĂM THỨ BA

CHỈ DẠNH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.358				2	30	2
G.359				2	30	2
G.360	2	30	2			
G.361	2	30	2			
G.362	1	15	1			
G.363	4	60	4			
G.364	1	15	1			
G.365				2	30	2
G.366				1	15	1
G.367				4	60	4
G.368	2	30	3			
G.369A	2	30	1			
G.369B				2	30	1
CỘNG	14	210	13	13	195	12

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC.

- G.358 *Quốc sử (1428-1802):*
Nhà Lê, Trịnh - Nguyễn phân tranh, nhà Tây Sơn.
- G.359 *Thế giới sử (Á châu):*
— Trung hoa từ nhà chiến tranh đến hết thế chiến I.
— Nhật bản từ khi Perry đến bắn phá đến hết thế chiến I.

- G.360 *Thế giới sử (Âu châu):*
— Lịch sử Âu châu từ cách mạng Pháp đến hết thế chiến thứ I (1789-1918)
- G.361 *Lịch sử chính trị và bang giao quốc tế (1918 - 1939).*
- G.362 *Sử liệu Pháp văn*
- G.363 *Địa lý Á châu (trừ Ấn Độ):*
Thiên nhiên về Đông Nam Á.
- G.364 *Địa lý Âu châu.*
- G.365 *Địa lý Úc châu và Hải dương châu.*
- G.366 *Thực tập bản đồ địa phương.*
- G.361 *Công dân:*
— Lược sử các học thuyết kinh tế
— Các chính sách kinh tế
— Các cơ quan sản xuất và mậu dịch. XI nghiệp và hợp tác xã.
— Tiền tệ ngân hàng và tín dụng.
- G.368 *Hán tự:*
Trích dẫn và giảng bình những bản văn Hán tự rút trong cuốn Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục.
- G.369A *Thực tập A:*
Dạy các lớp Trung học đệ I cấp.
- G.369B *Thực tập B:*
Dạy các lớp Trung học đệ I cấp.

NĂM THỨ TƯ

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ /học khóa	Học phần
G.457	3	45	3			
G.458				2	30	2
G.459	1	15	1			
G.460	4	60	4			
G.461				2	30	2
G.462	1	15	1			
G.463				1	15	1
G.464				2	30	2
G.465				2	30	2
G.466C	2	30	1			
G.467D				2	30	2
CÔNG	11	165	10	11	165	11

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- G.457 Quốc sử (1802 đến ngày nay):
Lịch sử Việt Nam hiện đại từ 1802 đến ngày nay.
- G.458 Lịch sử chính trị và bang giao quốc tế:
Từ đệ nhị thế chiến tới nay.
- G.459 Sử liệu Anh văn.
- G.460 Địa lý Mỹ châu.
- G.461 Địa lý Phi châu (hay Ấn Độ)

- G.462 Các cường quốc kinh tế:
- Các khối thị trường
 - Các cường quốc kinh tế: Hoa kỳ, Liên xô, Nhật bản, Anh, Trung hoa lục địa, Pháp, Tây Đức.
- G.463 Thực tập bản đồ địa phương.
- G.464 Công dân:
- Chính trị học: Lược sử các học thuyết chính trị
 - Các chính thể:
 - Chính thể dân chủ: Đại nghị chế (Nội các chế), Tổng Thống chế, và Quốc hội chế.
 - Chính thể Cộng sản: Chính thể tại Nga xô và tại Trung hoa lục địa.
 - Chánh đảng: Định nghĩa, các loại chánh đảng, các hệ thống chánh đảng, vai trò của chánh đảng trong đời sống chánh trị quốc gia.
- G.465 Hán tự:
- Trích dẫn và bình giảng những bản văn Hán rút trong bộ Lịch Triều Hiến Chương loại chí
- G.466C Thực tập C:
- Dạy các lớp đệ II cấp.
- G.466D Thực tập D:
- Dạy các lớp đệ II cấp

BAN TOÁN

NĂM THỨ NHẤT

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.161A	3	45	2			
G.164B				3	45	2
G.165A	5	75	4			
G.165B	2	30	2			
G.166A				5	75	4
G.166B				2	30	2
CỘNG	10	145	8	10	150	8

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

G.146A Đại số A :

Tập hợp — Hệ thức

Nhóm — Giải tích tổ hợp

Đa thức, — Định lý Bezout

Phân số — Tỷ lệ

Thế của các số tạp — Phát triển định lý
Alembert

G.146B Đại số B :

Bắt buộc G.146A. Không gian vectơ. Phép
biến đổi thẳng : Nhân, ảnh — Phép biến đổi
hợp. Phương Trục. Phương thức. Hệ thống
phương trình bậc nhất với nhiều ẩn số.

G.147A Giải tích A :

Tính chất tô pô của thể các số thực — Liệt
số. Hàm số thực với một biến số thực. Đạo
hàm. Tích phân. Các hàm số sơ đẳng.

G.165B Giải tích B :

Bắt buộc G.165A. Khai triển giới hạn phép tính
các tích phân. Tích phân tổng quát. Hàm vectơ
với một biến số. Hàm vectơ với nhiều biến số.
Phương trình vi phân bậc nhất và bậc hai với
các hệ số hằng số.

G.166A Hình học giải tích A :

Các phép tính về góc và khoảng cách trong mặt
phẳng và trong không gian. Phương trình của
đường thẳng và mặt phẳng. Khoảng cách góc
của hai hướng. Tọa độ cực — Tọa độ trụ và
tọa độ cầu. Vòng tròn. Chùm vòng tròn. Chùm
trục giao,

G.166B Hình học giải tích B :

Bắt buộc G.166A. Phương trình của hình cầu. Phương trình của các mặt cong và mặt phẳng. Quỹ tích. Thí dụ về các mặt : Hình nón, hình trụ, hình conoide, mặt tròn xoay. Không gian affin. Vector trượt.

★

NĂM THỨ HAI

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.267C	3	45	2			
G.267D				3	45	2
G.268C	5	75	4			
G.268D				5	75	4
G.269A	2	30	2			
G.269B				2	30	2
CỘNG	10	150	8	10	150	8

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

G.267C Đại số C

Bắt buộc G.164B

Các số nguyên. Nhóm. Vành. Đa thức.

G.267D Đại số D :

Bắt buộc G.267C. Không gian vector và Module. Lý thuyết về thể. Các số thực và tập. Tập hợp. Bỏ đề Zorn.

G.268C Giải tích C :

Bắt buộc G.165B. Hệ thống các số thực và tập. Không gian metric. Liệt số số học và cấp số. Sự liên tục. Tích phân Riemann — Stieltjes.

G.268D Giải tích D :

Bắt buộc G.258C. Liệt số và cấp số các hàm số. Cấp số nguyên và cấp số Fourier. Tích phân, đa cấp. Hàm giải tích. Tích phân tập. Lý thuyết Lelesgue.

G.269A Cơ học A :

Các ý niệm căn bản. Vector trượt. Ngẫu lực. Động học các chất điểm. Động lực học các chất điểm.

G.269B Cơ học B :

Bắt buộc G.269A. Động lực học hệ thống các chất điểm : trọng tâm, định lý Huyghens. Con lắc. Xung lượng.

NĂM THỨ BA

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.370E	3	45	2			
G.370F				3	45	2
G.371	3	54	2			
G.372				3	45	2
G.373	3	45	2			
G.374				3	45	2
G.375A	2	30	1			
G.375B				2	30	1
CỘNG	11	165	7	11	165	7

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

G.370E Đại số E :

Bắt buộc G.267D.

Lý thuyết tập hợp — Phép áp — Các số nguyên.

Lý thuyết nhóm : Định lý Cayley. Định lý Sylow. Lý thuyết vành Ideal, vành thương. Vành Euclide. Vành đa thức.

G.370F Đại số F :

Bắt buộc G.370E. Không gian vector. Module. Thệ. Các phép biến đổi tuyến tính.

G.371 Xác suất :

Không gian mẫu. Biến ngẫu nhiên đoạn tục và liên tục. Xác suất có điều kiện. Các phân phối thông thường. Phép đổi biến.

G.372 Thống kê :

Thăm dò từ phân phối bình thường. Khoảng tin nhiệm dành cho trung bình. Định lý giới hạn trung tâm cùng các áp dụng. Khái niệm về ước lượng điểm. Khái niệm về trắc nghiệm thống kê.

G.373 Tô pô :

Không gian vị tương

Không gian áp súc

Không gian métric

Không gian Banach

G.374 Giải tích trừu tượng :

Phép đo Lobesgue.

Tích phân Lobesgue.

Phép đo và tích phân.

Phép đo và độ đo ngoài.

G.375A Thực tập A :

Hướng dẫn sinh viên dạy thực tập tại các trường trung học đệ 1 cấp.

G.375B Thực tập B :

Dạy thực tập tại các trường Trung học đệ 1 cấp,

NĂM THỨ TƯ

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.467C	5	75	4			
G.467D				5	75	4
G.468	3	45	2			
G.469A	3	45	2			
G.469B				3	45	2
G.470C	2	30	1			
G.470D				2	30	1
CỘNG	13	195	9	10	150	7

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

G.467C Cơ học C :

Bắt buộc G.269B. Tọa độ độc lập của một cơ thể. Phép biến đổi trực giao. Góc Euler. Thông số Cayley. Định lý Euler về chuyển động của một hệ thống cơ thể. Lực Coriolis.

G.467D Cơ học D :

Bắt buộc G.467C. Cơ học điểm. Cơ học của hệ thống điểm. Nguyên lý tương phản D'Alambert Phương trình Lagrange. Nguyên lý biến thiên trong cơ học. Phương trình Hamilton. Định lý Hamilton Jacobi. Cơ học về các thể biến dạng.

G.468

Toán vi phân :

Phương trình vi phân bậc nhất. Phương trình vi phân bậc 2 và bậc n với các hệ số hằng số. Phương trình vi phân với các hệ số thay đổi. Phương trình vi phân với các điểm bất thường. Phương trình đạo hàm nguyên phần.

G.469A

Hình học vi phân A :

Phép tính Tensor. Khảo sát đường gềnh. Độ cong. Độ xoắn. Công thức Frenet. Đường Bertrand. Khảo sát những mặt : Dạng toàn phương cơ bản thứ nhất. Độ cong các đường vẽ trên mặt. Định lý Mensnier.

G.469B

Hình học vi phân B :

Bắt buộc G.469A. Dạng toàn phương cơ bản thứ hai : Định lý Euler. Các đường đặc biệt của mặt : đường chính khúc, phương tiệm cận, đường tối đoản. Các mặt đặc biệt : mặt cực tiểu, định lý Joachisthal. Định lý Rodrigues.

G.470C

Thực tập C :

Hướng dẫn sinh viên thực tập tại các trường Trung học đệ II cấp.

G.470D

Thực tập D :

Hướng dẫn sinh viên thực tập tại các trường Trung học đệ II cấp.

BAN VIỆT HÁN

NĂM THỨ NHẤT

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.167	2	30	2			
G.168A	2	30	2			
G.168B				2	30	2
G.169A	2	30	2			
G.169B				2	30	2
G.170A	2	30	2			
G.170B				2	30	2
G.171A	2	30	2			
G.171B	2	30	2	2	30	2
CỘNG	10	150	10	8	120	8

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- G.167 Văn học sử đại cương :
- Định nghĩa, đối tượng và phương pháp văn học sử.
 - Các quan niệm xưa và nay về văn học sử
 - Phương pháp phân chia thời kỳ trong văn học sử
 - Ảnh hưởng văn học ngoại quốc vào văn học Việt Nam.

G.168A Triết học nhập môn A :

- Định nghĩa, đối tượng và phương pháp triết học
- Những đặc tính của Triết học Đông và Tây phương. Tìm hiểu những lý thuyết chủ yếu của Nho-Phật-Lão.

G.168B Triết học nhập môn B :

- Những vấn đề lớn của triết học hiện đại.

G.169A Bình giảng văn học A :

- Các loại văn xuôi và văn vần. Kỹ thuật bình giảng từng loại.

G.169B Bình giảng văn học B :

- Áp dụng vào văn học Việt Nam : trích giảng văn Nôm từ Trần — Hồ đến hết Tây Sơn.

G.170A Nghiên cứu và phê bình văn học A' :

- Nghiên cứu văn học : Phân biệt văn xuôi và văn vần. Các thể thơ văn du nhập của Trung Hoa và Tây Phương. Sơ lược trào lưu văn học quốc tế hiện đại.

G.170B Nghiên cứu và phê bình văn học B :

- Phê bình văn học : Định nghĩa, phân loại phê bình. Các tiêu chuẩn tổng quát về phê bình văn học. Áp dụng các tiêu chuẩn đó để thử phê bình một vài tác phẩm văn học Việt Nam,

- Lịch sử phê bình văn học Tây phương và Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay.
 - Áp dụng các nguyên tắc phê bình văn học vào văn học Việt Nam phần chữ Nôm.
- G.171A: *Hán văn A* :
- Các bộ căn bản. Cách tra tự điển Hán Việt. Nhận thứ bộ. Học các câu ngắn, đơn giản.
- G.171B: *Hán văn B* :
- Tùy nghi giảng về văn phạm và cú pháp. Dùng bộ Tân Quốc văn.

NĂM THỨ HAI

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.270	2	30	2			
G.271	2	30	2			
G.272				2	30	2
G.273C	2	30	2			
G.273D				2	30	2
G.274C	2	30	2			
G.274D				2	30	2
G.275				2	30	2
CỘNG	8	120	8	8	120	8

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- G.270 *Văn học chữ quốc ngữ* :
- Lịch sử và nguyên nhân thành lập chữ Quốc ngữ
 - Nghiên cứu kỹ các phong trào báo chí, dịch thuật, biên khảo, phê bình, thi ca, tiểu thuyết từ đầu thế kỷ đến nay.
- G.271 *Văn học chữ Hán* :
- Sự du nhập và truyền bá Hán học qua các thời đại. Đặc tính của mỗi thời kỳ.
 - Cách tổ chức học và thi cử từ Lý — Trần đến Nguyễn Triều.
 - Các tác phẩm bằng Hán văn do người Việt biên soạn và sáng tác.
 - Phân tích và phê bình vài tác phẩm và tác giả quan trọng.
- G.272 *Văn học chữ Nôm* :
- Văn học chữ Nôm từ khởi thủy đến cuối thế kỷ XIX.
- G.273C *Bình giảng văn học C* :
- Giới thiệu các thể văn Việt Nam.
- G.273D *Bình giảng văn học D* :
- Trích giảng Cung oán ngâm khúc, Chinh phụ ngâm khúc, Hoa tiên, Đoàn trường tân thanh.
- G.274C *Hán văn C* :
- Cách tra tự điển Trung hoa như Khang Hy, Từ Hải, Từ Nguyên.

Tùy nghi giảng về văn phạm và cú pháp nhân bài giảng văn.

G.274D *Hán văn D* :

— Dùng bộ sách trong Cổ văn quan chỉ I và II

G.275 *Chữ Nôm A* :

— Nguồn gốc và sự cấu tạo chữ Nôm. Tập đọc. một vài tác phẩm chữ Nôm nổi danh.

★

NĂM THỨ BA

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.376A	2	30	2			
G.736B				2	30	2
G.377E	2	30	2			
G.377F				2	30	2
G.378E	2	30	2			
G.378F				2	30	2
G.379A	2	30	2			
G.379B				2	30	2
G.380	2	30	2			
G.381A	2	30	1			
G.381B				2	30	1
CỘNG	12	180	11	10	150	9

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

G.376A *Trung quốc văn học sử A* :

— Từ thượng cổ thời đại đến hết đời Đường.
Nhấn mạnh kinh Thi, Sở từ và Đường thi.

G.376B *Trung quốc văn học sử B* :

— Văn học các đời Tống-Nguyên-Minh-Thanh.

G.377E *Bình giảng văn học E* :

— Phân tích và phê bình kỹ các tác phẩm Quốc ngữ có khuynh hướng tả chân xã hội, phong tục từ 1932 đến 1945.

G.377F *Bình giảng văn học F* :

— Giới thiệu sơ lược các tác phẩm thơ văn từ 1945 đến ngày nay.

G.378E *Hán văn E* :

— Trích giảng Cổ văn Quan chỉ tập III và IV

G.378F *Hán văn F* :

— Văn phạm và cú pháp phức tạp hơn, áp dụng vào việc tập dịch và đặt câu bằng văn ngôn.

G.379A *Văn học dân gian A* :

— Nguồn gốc và đặc tính về hình thức. Nội dung văn học dân gian.

— Dân ca ba Miền.

G.379B *Văn học dân gian B* :

— Truyền thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, tiểu lâm, khôi hài.

- G.380 *Chữ Nôm B :*
— Tập đọc và phân tích những tác phẩm viết bằng chữ Nôm trong chương trình trung học tùy ý giáo sư lựa chọn.
- G.381A *Thực tập A :*
— Dạy các môn chuyên môn ở các trường Trung học đệ nhất cấp.
- G.381B *Thực tập B :*
— Dạy các môn chuyên môn ở các trường Trung học đệ nhất cấp.

★

NĂM THỨ TƯ

CHỈ DANH MÔN HỌC	HỌC KHÓA I			HỌC KHÓA II		
	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần	Giờ/tuần	Giờ/học khóa	Học phần
G.471C	2	30	2			
G.471D				2	30	2
G.472A	2	30	2			
G.472B				2	30	2
G.473A	2	30	2			
G.473B				2	30	2
G.474A	2	30	2			
G.474B				2	30	2
G.475	2	30	2			
G.476C	2	30	1			
G.476D				2	30	1
CỘNG	12	180	11	10	150	9

- G.471C *Trung Quốc văn học sử C :*
— Văn học Trung Quốc từ cách mạng Tân Hợi đến ngày nay.
- G.471D *Trung Quốc văn học sử D :*
— Phong trào Tân văn học. Địa vị văn bạch thoại trong việc bành trướng văn học Trung Quốc.
- G.472A *Văn học quốc tế hiện đại A :*
— Các chủ thuyết văn học quốc tế
- G.472B *Văn học quốc tế hiện đại B :*
— Phân tích và phê bình vài tác phẩm có tầm ảnh hưởng quốc tế.
- G.473A *Hán văn A :*
— Văn phạm và cú pháp bạch thoại
— Bạch thoại và văn ngôn đối chiếu.
- G.473B *Hán văn B :*
— Trích giảng các tác giả : Hồ Thích, Lâm Ngữ Đường, Lương Khải Siêu, Phùng Hữu Lan, Chu Tự Thanh, Từ Chí Ma...
- G.474A *Ngữ học và chánh tả Việt ngữ A :*
— Ngữ học nhập môn. Ngữ âm và ngữ vị học. Ngữ vị và cú pháp.

G.474B *Ngữ học và chính tả Việt ngữ B :*

- Các luật ngôn ngữ áp dụng cho chính tả Việt ngữ.

G.475 *Kịch nghệ Việt Nam :*

- Lịch sử kịch nghệ Việt Nam. Hát bội, hát chèo ca kịch. Ca kịch hiện đại
- Giới thiệu vài vở nổi tiếng.

G.476C *Thực tập C :*

Dạy các môn chuyên môn ở các trường Trung học (chú trọng về các lớp Đệ nhị cấp)

G.476D *Thực tập D :*

Dạy các môn chuyên môn ở các Trường Trung học (chú trọng về các lớp Đệ nhị cấp).

BANG TONG KET CAC HOC PHAN CUA CAC BAN

B A N	PHẦN TỔNG QUÁT		PHẦN CHUYÊN NGHIỆP		PHẦN CHUYÊN MÔN		C Ộ N G		TỔNG CỘNG
	Học khóa I	Học khóa II	Học khóa I	Học khóa II	Học khóa I	Học khóa II	Học khóa I	Học khóa II	
BAN ANH VĂN									173
Năm thứ Nhất	9	8	4	4	8	8	21	26	41
Năm thứ Hai	7	8	6	8	10	11	23	27	50
Năm thứ Ba	4	4	6	8	11	13	21	25	46
Năm thứ Tư	0	0	8	6	10	12	18	18	36
BAN SỬ ĐỊA									168
Năm thứ Nhất	9	8	4	4	8	8	21	20	41
Năm thứ Hai	7	8	6	8	8	9	21	25	46
Năm thứ Ba	4	4	6	8	13	12	23	24	47
Năm thứ Tư	0	0	8	6	10	10	18	16	34
BAN TOÁN									152
Năm thứ Nhất	9	8	4	4	8	8	21	20	41
Năm thứ Hai	7	8	6	8	8	8	21	24	45
Năm thứ Ba	4	4	6	8	7	7	17	19	36
Năm thứ Tư	0	0	8	6	9	7	17	13	30
BAN VIỆT HÁN									164
Năm thứ Nhất	9	8	4	4	10	8	23	20	43
Năm thứ Hai	7	8	6	8	8	8	21	24	45
Năm thứ Ba	4	4	6	8	11	9	21	21	42
Năm thứ Tư	0	0	8	6	11	9	19	15	34